

VẤN ĐỀ DẠY HỌC KỸ NĂNG MỀM CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

TEACHING SOFT-SKILLS TO STUDENTS AT VAN LANG UNIVERSITY IN THE CURRENT PERIOD

ĐOÀN THỊ MINH THOA^(*)

TÓM TẮT: *Đổi mới công tác dạy học kỹ năng mềm cho sinh viên đại học nhằm đảm bảo khả năng thích ứng của người học trước những thay đổi của thời đại là một yêu cầu cấp thiết. Thông qua phương pháp nghiên cứu tài liệu và thực nghiệm đổi mới phương pháp dạy học môn kỹ năng mềm cho sinh viên Trường Đại học Văn Lang từ tháng 3-2020 đến 2-2021, kết quả cho thấy việc thiết kế nội dung dạy học hướng đến đáp ứng yêu cầu của các kỹ năng thế kỷ XXI và phù hợp với đặc điểm của người học thuộc thế hệ Z là những yếu tố quan trọng góp phần mang lại thành công cho chương trình.*

Từ khóa: *kỹ năng mềm; thế hệ Z; đổi mới; quản lý sự thay đổi.*

ABSTRACT: *That modifying the task of teaching soft-skills to university students helps guarantee the learners' adjustment capacity towards the modern changes is of great value. Through researching the materials and experimenting the soft-skill teaching method to students at Van Lang University from March 2020 to February 2021, the results show that designing the teaching content in satisfying the necessary skills in this 21st century and suitable to Z-generation learners are the elements towards the success of this program.*

Key words: *soft skills; Z generation; changes; change management.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Kinh tế - xã hội ngày nay đã chứng kiến sự thay đổi nhanh chóng trên toàn thế giới, sự bùng nổ của công nghệ thông tin và truyền thông, sự phát triển nhanh chóng của khoa học và công nghệ. Một trong những sản phẩm nổi bật là sự ra đời của trí thông minh nhân tạo, có thể sử dụng trong rất nhiều lĩnh vực, từ những công việc lao động chân tay đến những công việc yêu cầu sự phức tạp, tỉ mỉ, chi tiết như chẩn đoán bệnh và đưa ra phác đồ điều trị, phẫu thuật, lái xe, dạy học,... Theo dự đoán của Diễn đàn kinh tế thế giới, đến năm 2025 con người chỉ chiếm khoảng 48% lực lượng lao động, còn máy móc và các thuật toán chiếm đến 52% [8]. Adamson C. gọi đây là bối cảnh

VUCA với những đặc trưng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 là không ổn định (Volatile), không chắc chắn (Uncertain), phức tạp (Complex) và mập mờ (Ambiguous) [12]. Những thay đổi này đã tác động trực tiếp đến nền giáo dục thế giới và đặt ra những yêu cầu mới đối với công tác giáo dục, thay đổi cả triết lý giáo dục trong thế kỷ XXI. Việc giáo dục đơn thuần chỉ tập trung vào truyền đạt kiến thức không còn phù hợp nữa, thay vào đó, giáo dục cần tập trung phát triển những yếu tố “con người” mà máy móc không thể thay thế được, đào tạo nguồn nhân lực sẵn sàng thích nghi trước mọi thay đổi: “*Giáo dục không thể thực hiện được chức năng truyền thống là truyền đạt lại khối kiến thức khổng lồ của nhân loại, mà*

^(*) ThS. Trường Đại học Văn Lang, thoa.dtm@vlu.edu.vn, Mã số: TCKH26-11-2021

chỉ cung cấp những kiến thức cơ bản, nền tảng, chủ yếu tập trung rèn luyện cho người học các kỹ năng như: tư duy, ngôn ngữ, diễn đạt, khai thác và xử lý thông tin sau đó áp dụng, sử dụng có ích các thông tin đó và trên cơ sở đó, biến thông tin thành tri thức” [1].

Nghị quyết đại hội Đảng XII cũng đã coi đổi mới giáo dục và đào tạo là một trong ba giải pháp có tính đột phá chiến lược nhằm nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Nghị quyết 29 của Chính phủ về “Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đào tạo” đã nêu rõ: “*Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực. Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học”*. Chủ trương này đã một lần nữa khẳng định tầm quan trọng của việc đào tạo kỹ năng, đổi mới phương pháp dạy học. Để đảm bảo chất lượng giảng dạy kỹ năng mềm ở các trường đại học, rất cần sự quan tâm, đầu tư ở tất cả các khâu của quá trình giáo dục như nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy, đội ngũ giảng viên...

2. NỘI DUNG

2.1. Một số thuật ngữ

2.1.1. Đổi mới

Thay đổi là hoạt động chuyển đổi trạng thái của sự vật, hiện tượng nào đó để có kết quả khác đi so với những cái đã có. Một trong các cấp độ của thay đổi là đổi mới, được hiểu là thay cái cũ bằng cái mới, là sự thay đổi một phần về bản chất của sự vật để cho tiến bộ hơn, đáp ứng yêu cầu của sự phát triển [5]. Đây

cũng là cấp độ thay đổi hoạt động dạy học các môn kỹ năng mềm tại các trường đại học hiện nay, nhằm làm cho hoạt động này tiến bộ hơn, đáp ứng yêu cầu của sự phát triển.

2.1.2. Giảng dạy kỹ năng mềm cho sinh viên đại học

Bên cạnh kỹ năng cứng là kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp, kinh nghiệm cho mỗi công việc, ngành nghề nhất định; còn có kỹ năng mềm liên quan đến việc con người hòa mình, chung sống và tương tác với cá nhân khác, nhóm, tập thể, tổ chức và cộng đồng [6]. Kỹ năng mềm thiên về nhóm các kỹ năng thuộc về giao tiếp, tương tác, phát triển các quan hệ tốt giữa người với người. Dần dần cũng được mở rộng sang các kỹ năng liên quan giúp cho giao tiếp hiệu quả và thành công trong công việc như thích ứng, tư duy sáng tạo, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, ra quyết định, lãnh đạo [2]. Các kỹ năng của thế kỷ XXI liên quan đến sự nỗ lực, tự chủ, sáng tạo của bản thân rất cao gồm các năng lực thiên về nhóm cá nhân đồng thời gồm cả những kỹ năng biết làm việc với người khác. Điều này đòi hỏi các nhà giáo dục hay thiết kế chương trình đào tạo các cấp, nhất là bậc đại học của thế kỷ XXI không thể không quan tâm lồng ghép cả hai nhóm kỹ năng này như là điều kiện cần và đủ, nhằm phát triển con người toàn diện, cân bằng và hài hòa [3].

Giáo dục kỹ năng mềm là quá trình hình thành và phát triển cho người học các kỹ năng mềm cần thiết để đảm bảo cho quá trình thích ứng với người khác và công việc, nhằm duy trì tốt các mối quan hệ tích cực và hỗ trợ thực hiện công việc một cách hiệu quả thông qua những cách thức và nội dung khác nhau [6]. Như vậy dạy học kỹ năng mềm là một quá trình đòi hỏi không chỉ chú trọng việc cung cấp nền tảng kiến thức mà quan trọng hơn là giáo dục các giá trị về mặt tinh thần, hình thành các hành vi tương ứng cho người học và phải được ứng dụng cụ thể trong cuộc sống hằng ngày.

Đối tượng chính của hoạt động dạy học kỹ năng mềm tại trường đại học là sinh viên, là

những công dân có độ tuổi từ 18-25 đang học tập ở bậc đại học, có những đặc điểm: Năng động, nhạy cảm và sẵn sàng tiếp thu cái mới; là bộ phận trí tuệ và ưu tú trong các thế hệ thanh niên, là nơi kết tinh nhiều tài năng sáng tạo, là nguồn lao động có học vấn cao; là lớp người đang hình thành và khẳng định nhân cách, có xu hướng chung là tính tích cực, tính tự lập, độc lập và nhu cầu tự khẳng định phát triển khá cao [4].

Theo Marilyn N. Norman và Joy C. Jordan, chương trình phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên nên chú ý các vấn đề sau: Các năng lực cần phù hợp với độ tuổi sinh viên; Kỹ năng được học tốt nhất thông qua trải nghiệm, thực hành và khả năng củng cố thông qua tình huống thực tế [10]. Theo Lý thuyết học tập của người lớn (Andragogy) của Malcolm Shepherd Knowles, sinh viên là những người trẻ đã ở tuổi trưởng thành (18 tuổi trở lên) cần được học tập theo những nguyên lý sau: 1) Người học cần được can dự vào quá trình lập kế hoạch và đánh giá kết quả học tập; 2) Trải nghiệm (gồm cả những sai sót) cung cấp nền tảng cho các hoạt động học tập; 3) Người học quan tâm đến những nội dung học có liên hệ trực tiếp tới công việc hoặc trong đời tư của họ; 4) Học theo kiểu lấy vấn đề làm trung tâm (Problem-centered) hơn là hướng đến nội dung (Content-oriented) [11]. Chương trình học cần tập trung hơn vào tiến trình, sự tương tác và thâm thấu trực tiếp hơn là vào phát triển nội dung. Những phương pháp giảng dạy tương tác và tích cực sẽ được sử dụng nhiều hơn, thông qua trải nghiệm thực tế, người học tự xây dựng các tri thức cho chính mình.

2.2. Đổi mới hoạt động giảng dạy kỹ năng mềm cho sinh viên đại học theo bối cảnh hiện nay

Chúng tôi đã tiến hành tìm hiểu đổi mới hoạt động giảng dạy kỹ năng mềm cho sinh viên tại Trường Đại học Văn Lang kể từ tháng 9-2019 đến nay. Trước tháng 9-2019, các môn học kỹ năng mềm do các khoa tự xây dựng và tổ chức giảng dạy, tổng cộng có 4 môn học kỹ năng mềm (Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng thuyết

trình, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng hội nhập) nằm trong chương trình đào tạo của 6 ngành (Kế toán, Tài chính ngân hàng, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Luật, Luật kinh tế), mỗi ngành có 1-2 môn học kỹ năng mềm. Như vậy, chỉ có sinh viên của 6/32 ngành trong toàn trường được tham gia học các lớp kỹ năng mềm được tổ chức chính thức trong chương trình đào tạo. Ngoài ra các khoa, ngành cũng thường xuyên tổ chức các buổi chia sẻ về kỹ năng mềm thông qua các hội thảo, chuyên đề, kết nối với doanh nghiệp, mang tính chất ngắn hạn và không định kỳ. Như vậy, ở giai đoạn này việc tổ chức giảng dạy các môn học kỹ năng mềm chưa được thực hiện thống nhất trong toàn trường.

Trường Đại học Văn Lang cũng đã xác định sứ mệnh của mình là “Đào tạo những con người mang lại tác động tích cực truyền cảm hứng cho xã hội”, đào tạo người học trở thành phiên bản tốt nhất của chính họ, với tinh thần học tập suốt đời, luôn sống trọn vẹn với tất cả tiềm năng của bản thân. Cùng với sứ mệnh này là triết lý giáo dục “*Thông qua học tập trải nghiệm, đào tạo con người toàn diện, có khả năng học tập suốt đời, có đạo đức, có sức ảnh hưởng và mang lại thay đổi tích cực cho cộng đồng*”, chú trọng đến trang bị cho người học kỹ năng học tập, lối suy nghĩ sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp, kỹ năng lãnh đạo và các kỹ năng sống [7]. Một trong những hành động thể hiện sự cam kết thực hiện sứ mệnh và triết lý giáo dục của Trường Đại học Văn Lang là đổi mới hoạt động dạy học kỹ năng mềm cho sinh viên và thực hiện thống nhất trong toàn trường (do Trung tâm Phát triển Năng lực sinh viên phụ trách chung) để đảm bảo chất lượng đồng đều cho sinh viên tất cả các ngành về kỹ năng mềm. Việc thay đổi hoạt động giảng dạy môn kỹ năng mềm tại Trường Đại học Văn Lang được thực hiện một cách căn bản và toàn diện ngay từ tư duy thiết kế chương trình.

Thứ nhất, nội dung giảng dạy phải là những môn học kỹ năng mềm hiện đại mà thế kỷ XXI đã xác định, đó là những môn học trang bị cho người học khả năng thích ứng với thời đại, hội nhập được với tương lai. Danh mục môn học như sau: 1) *Kỹ năng học đại học*: trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng để thích nghi với môi trường đại học, phương pháp học tập hiệu quả, xây dựng kỹ năng tự học và học tập suốt đời; 2) *Kỹ năng giao tiếp*: giúp sinh viên giao tiếp hiệu quả để tự tin và thành công hơn trong học tập, cuộc sống; 3) *Kỹ năng làm việc nhóm*: giúp sinh viên tham gia hiệu quả vào quá trình làm việc nhóm; 4) *Kỹ năng thuyết trình*: giúp sinh viên biết cách trình bày thu hút, thuyết phục; 5) *Tư duy phân biện*: giúp sinh viên suy nghĩ, quyết định, giải quyết vấn đề một cách chính xác, chủ động, sáng tạo và hiệu quả; 6) *Kỹ năng nghề nghiệp*: giúp sinh viên hiểu biết về bản thân, thế giới nghề nghiệp; trang bị kỹ năng để gia tăng năng lực cạnh tranh khi ứng tuyển việc làm. Ngoài những môn học kỹ năng mang tính chất cơ bản và nền tảng trên, chúng tôi cũng xây dựng các môn học giúp sinh viên nâng cao năng lực, phát triển toàn diện và hài hòa gồm: Kỹ năng quản lý thời gian; Kỹ năng tư duy sáng tạo; Tư duy thiết kế; Kỹ năng giải quyết vấn đề; Kỹ năng quản lý tài chính cá nhân; Kỹ năng quản lý sự thay đổi; Kỹ năng học tập suốt đời; Thông minh cảm xúc.

Thứ hai, cần hiểu rõ người học - ở đây chính là các sinh viên thế hệ Z (Generation Z) được sinh ra từ khoảng năm 1996 đến 2012. Theo phân tích của Anphabe, thế hệ Z có đặc điểm yêu thích các thiết bị điện tử, thích các nội dung mang tính tương tác, có khả năng tự học và sáng tạo tốt. Các hành vi phổ biến của thế hệ này là: có hành vi tiêu thụ nội dung số, dành thời gian xem livestream/video nhiều hơn, làm những hành vi “đa nhiệm”, tự do làm điều mình thích [13]. Với những đặc điểm này, chương trình dạy học kỹ năng mềm cho sinh

viên cần tạo điều kiện để các em phát huy đặc điểm của thế hệ mình, cần dựa trên nền tảng công nghệ, cho phép sinh viên sáng tạo nội dung số, phương pháp dạy học mang tính tương tác cao,...

Thứ ba, phương pháp và hình thức giảng dạy cũng cần phải đổi mới để đáp ứng yêu cầu của thời đại và người học. Sự hoành hành của đại dịch Covid-19 thời gian qua là một khó khăn nhưng đồng thời cũng là cơ hội đối với giáo dục, là động lực để Trường Đại học Văn Lang thử nghiệm cách làm mới, nắm bắt lợi ích to lớn của công nghệ và thích ứng với xu hướng chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục. Việc dạy học kỹ năng mềm tại Trường Đại học Văn Lang được tổ chức theo hình thức dạy học hỗn hợp (Blended-learning), kết hợp nền tảng học tập trực tuyến trên hệ thống LMS – Elearning của trường với dạy học trực tiếp trên lớp học; 50% thời lượng sinh viên sẽ tự học thông qua hệ thống học trực tuyến và 50% thời lượng còn lại của môn học sinh viên sẽ lên lớp học trực tiếp cùng giảng viên, quy trình giảng dạy như sau:

Giảng viên đăng tải tài liệu học tập (bài giảng, clip hướng dẫn,...) tại hệ thống học tập trực tuyến trước buổi học trực tiếp trên lớp: nêu các yêu cầu tự học và thời hạn hoàn thành cho sinh viên: thảo luận, làm bài tập,...; hướng dẫn, giải đáp các thắc mắc của sinh viên tại các mục thảo luận trực tuyến.

Trong giờ học trực tiếp trên lớp: giảng viên cùng sinh viên thảo luận nâng cao, tìm hiểu sâu kiến thức liên quan đến nội dung bài học mà sinh viên đã tự học; tổ chức các hoạt động học tập thông qua trải nghiệm, cho sinh viên thực hành các kỹ năng.

Đồng thời với hình thức giảng dạy Blended-learning, bộ môn cũng yêu cầu giảng viên sử dụng phương pháp giảng dạy học tập thông qua trải nghiệm để môn học kỹ năng mềm có thể thực sự hình thành được kỹ năng và thái độ cho sinh viên, bên cạnh những kiến thức môn học đã cung cấp. Các bài tập thực hành cũng tạo

điều kiện cho sinh viên được sử dụng công nghệ, sáng tạo nội dung số, tăng khả năng tương tác như quay video clip thực hành kỹ năng và đăng tải lên Youtube để tương tác cùng các thành viên trong lớp; giảng viên sử dụng các công cụ dạy học trực tuyến như Kahoot!, Menti, Padlet, Mural, Jamboard, Quizziz,... để tương tác cùng sinh viên trong giờ học.

Thứ tư, tuyển dụng và đào tạo nguồn giảng viên đáp ứng yêu cầu dạy học thông qua hình thức Blended-learning và dạy học thông qua trải nghiệm. Đội ngũ giảng viên có khoảng 50% là những người có nhiều kinh nghiệm giảng dạy kỹ năng mềm tại các trường đại học. 50% giảng viên còn lại là những chuyên gia đến từ doanh nghiệp, vốn là các giám đốc đào tạo, giám đốc nhân sự, chuyên gia đào tạo (Trainer) của các công ty, tập đoàn đa quốc gia. Ngoài các văn bằng, chúng chỉ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phần lớn giảng viên tham gia giảng dạy Kỹ năng mềm của Trường Đại học Văn Lang còn có chứng nhận là chuyên gia đào tạo và huấn luyện của các tổ chức quốc tế như (Development Dimensions International; Franklin Covey; Success Resource - Singapore); chuyên gia Khai vấn (Coach) theo tiêu chuẩn của Liên đoàn Khai vấn quốc tế - ICF; chuyên gia tâm lý; chuyên viên tư vấn hướng nghiệp; tác giả các đầu sách về kỹ năng mềm,... Giảng viên Trường Đại học Văn Lang cũng được tham dự khóa học Kỹ năng giảng dạy Online, Hướng dẫn sử dụng hệ thống E-learning để phục vụ công tác giảng dạy Blended-learning.

Thứ năm, để kịp thời nắm bắt tình hình, đánh giá hiệu quả của công tác dạy học môn kỹ năng mềm tại Trường Đại học Văn Lang, chúng tôi thực hiện thường xuyên các hoạt động thăm lớp, quan sát lớp học, tổ chức sinh hoạt chuyên môn để lắng nghe ý kiến của giảng viên và khảo sát lấy ý kiến đánh giá môn học từ sinh viên. Kết quả khảo sát sinh viên các lớp kỹ năng mềm của học kỳ 1 năm học 2020-2021 như sau: mức độ hài lòng chung của sinh viên

về môn học: 4.73/5.00; mức độ hài lòng của sinh viên về giảng viên: 4.86/5.00; mức độ hài lòng của sinh viên về nội dung giảng dạy trên lớp: 4.68/5.00; mức độ hài lòng của sinh viên về nội dung tự học trên E-learning: 4.66/5.00. Khảo sát cũng ghi nhận nhiều phản hồi tích cực từ sinh viên như: yêu thích việc học kỹ năng mềm; giúp sinh viên tự tin, giao tiếp tốt hơn trong lớp học và cuộc sống; sinh viên mở rộng được nhiều mối quan hệ, cởi mở và lạc quan hơn trong giao tiếp; sinh viên tư duy tốt hơn, giao tiếp dễ dàng với mọi người hơn, có hứng thú trong mỗi tiết học,...

Ngoài ra, chúng tôi cũng ghi nhận một số điểm còn hạn chế của chương trình như sinh viên gặp áp lực vì nội dung bài tập thực hành nhiều trong điều kiện thời gian môn học ngắn chỉ 5 tuần học; sinh viên nắm bắt nên nhiều ngỡ ngờ trong việc học, nhất là học tập trên E-learning; môn học kỹ năng mềm tổ chức học tập thông qua trải nghiệm cần phòng học có không gian rộng rãi, không cần nhiều bàn ghế. Những khó khăn này đã được đề xuất khắc phục thông qua việc cập nhật cho học kỳ 2 năm học 2020-2021 như sau: thời gian mỗi lớp học kéo dài 10 tuần thay vì 5 tuần liên tục như trước đây, sinh viên sẽ có 1 tuần học trên lớp cùng giáo viên, 1 tuần tự học ở nhà xen kẽ nhau để có đủ thời gian tự học và thực hành kỹ năng, làm bài tập; Giảng viên lập các nhóm lớp kết nối với sinh viên thông qua Zalo/Facebook để kịp thời trao đổi, hỗ trợ sinh viên gặp khó khăn cũng như quan tâm, nhắc nhở sinh viên thường xuyên; Đề xuất cấp phòng học riêng cho môn học kỹ năng mềm, có không gian rộng rãi, chỉ có ghế, ít bàn. Trung tâm Phát triển Năng lực sinh viên cũng xây dựng kế hoạch thành lập Câu lạc bộ kỹ năng, tạo sân chơi cho sinh viên rèn luyện, thực hành và nâng cao kỹ năng mềm, đồng thời thực hiện các dự án lan tỏa các giá trị sống tốt đẹp đến cộng đồng, giúp sinh viên một lần nữa học tập thông qua trải nghiệm và phục vụ cộng đồng.

3. KẾT LUẬN

Thay đổi chứa đựng những khó khăn, thách thức nhưng đồng thời cũng đem lại cơ hội phát triển cho các cá nhân và cả tổ chức. Bài học kinh nghiệm từ việc đổi mới hoạt động dạy học môn kỹ năng mềm tại Trường Đại học Văn Lang cho thấy, các yếu tố góp phần tạo nên hiệu quả của sự phát triển này là: 1) Ban lãnh đạo nhà trường nhanh nhạy nắm bắt xu hướng của thời đại và đưa ra những quyết sách phù hợp để thích ứng với sự thay đổi; 2) Kế hoạch thực hiện sự thay đổi được lập một cách

khoa học, lường trước những khả năng có thể xảy ra và sẵn sàng điều chỉnh khi cần; 3) Trong quá trình quản lý sự thay đổi cần có sự quan tâm đến nhu cầu, lắng nghe các bên liên quan để động viên, điều chỉnh kịp thời; 4) Đòi hỏi sự kiên trì và chú ý các hoạt động hỗ trợ thực hiện kế hoạch; 5) Đánh giá cụ thể, rõ ràng hiệu quả của sự thay đổi. Cùng với bài học về công tác quản lý, những thay đổi trên cũng một lần nữa khẳng định việc đổi mới hoạt động dạy học kỹ năng mềm cho sinh viên đại học là một việc làm cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Đức Chính (2012), Chương trình giáo dục đại học, *Giáo dục đại học Việt Nam, Những vấn đề về chất lượng và quản lý*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Duy Mộng Hà, Phan Công Chính, Đoàn Thị Minh Thoa (2020), *Kết nối với doanh nghiệp trong việc phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên góp phần đảm bảo chất lượng đầu ra*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Kiểm định chất lượng giáo dục quốc tế - con đường hội nhập và phát triển, Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh, Nxb Tài Chính, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [3] Nguyễn Duy Mộng Hà, Bùi Ngọc Quang, Đoàn Thị Minh Thoa (2020), *Lồng ghép triết lý giáo dục và các kỹ năng của thế kỷ XXI theo Khung trình độ Quốc gia Việt Nam vào các chương trình đào tạo đại học*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia Công tác đảm bảo chất lượng giáo dục đại học trong tình hình mới – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- [4] Vũ Thùy Hương (2018), *Cơ sở tâm lý học về định hướng giá trị của thanh niên – sinh viên*, *Tạp chí Giáo dục*, số 433 (kỳ 1-7-2018).
- [5] Học viện Quản lý giáo dục (2013), *Quản lý trường phổ thông*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [6] Lê Hà Thu (2016), *Quản lý giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội theo tiếp cận năng lực*, Luận văn Thạc sĩ khoa học Giáo dục.
- [7] Trường Đại học Văn Lang (2020), *Quyết định số 109/QĐ/VL-HĐT ngày 18/08/2020 của Chủ tịch Hội đồng Trường về việc Ban hành Triết lý giáo dục của Trường Đại học Văn Lang*.
- [8] Cann O. (2018), *Machines Will Do More Tasks Than Humans by 2025 but Robot Revolution Will Still Create 58 Million Net New Jobs in Next Five Years*, World Economic Forum.
- [9] Forland - Jeremy (2006), *Managing Teams and Technology*, UC Davis, Graduate School of Management.
- [10] Marilyn N. Norman, Joy C. Jordan (2006), *Targeting Life Skills In 4-H*, University of Florida – IFAS Extension.
- [11] Knowles, M. S. (1950), *Informal Adult Education*, New York: Association Press.
- [12] Adamson, C. (2012), *Learning in a VUCA world – How Knowledge Workers learn to innovate*, <http://www.online-educa.com>, ngày truy cập: 10-7-2020.
- [13] Anphabe (2020), *Cẩm nang Gen Z lần đầu đi làm*, <https://www.anphabe.com/survey-report/cam-nang-genz-lan-dau-di-lam>, ngày truy cập: 10-7-2020.

Ngày nhận bài: 19-01-2021. Ngày biên tập xong: 13-3-2021. Duyệt đăng: 25-3-2021